TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/8/2026
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hiên và bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 411/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Quỳnh H**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Hẻm E H, phường P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Trần L**, sinh năm 1996

Địa chỉ: Hẻm E H, phường P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt, có đơn vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Quỳnh H trình bày: Bà và ông Trần L tự nguyện tìm hiểu có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai vào ngày 08/12/2022. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hoà hợp, bất đồng quan điểm, không có sự chia sẻ, thông cảm, không có trách nhiệm với gia đình nên dễ phát sinh mâu thuẫn. Nay bà thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai giải quyết :

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Trần L.

Về nuôi con chung: Bà và ông L có 02 con chung là Trần Khôi N, sinh ngày 09/7/2023 và Trần Bảo N1, sinh ngày 01/6/2025. Hiện nay các cháu đang

sống với bà. Sau khi ly hôn nguyện vọng của bà là được trực tiếp nuôi cháu K và N1, yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu 2.500.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập được.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Trần L trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông xác nhận tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Lê Quỳnh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Quỳnh H theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà H có hai con chung là Trần Khôi N, sinh ngày: 09/7/2023 và Trần Bảo N1, sinh ngày 01/6/2025. Hiện nay, bà Lê Quỳnh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu. Do đó, sau khi ly hôn, ông đồng ý việc bà Lê Quỳnh H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Khôi N và cháu Trần Bảo N1. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Trần Khôi N và Trần Bảo N1 số tiền 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N và N1 đủ 18.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại ông đang sinh sống và làm việc thành phố Hồ Chí Minh, vì tính chất công việc nên ông không thể sắp xếp thời gian để về tỉnh Gia Lai tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia các phiên xét xử vụ án. Do đó, ông xin được vắng mặt ở tất cả các buổi làm việc trong giai đoạn tố tụng, kính đề nghị Q toà xem xét, chấp thuận và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lê Quỳnh H yêu cầu ly hôn với ông Trần L, sinh năm 1996; Địa chỉ: Hẻm E H, phường P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

[2] Bị đơn ông Trần L làm đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Quỳnh H và bị đơn ông Trần L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống bà H và ông L có phát sinh mâu thuẫn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông L. Ông L xác định là vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông L không ai còn quan tâm lo lắng, chăm sóc cho nhau, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông L như vậy là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Quỳnh H và ông Trần L.

[4] Về việc nuôi con: Bà H và ông L có 02 con chung là Trần Khôi N, sinh ngày 09/7/2023 và Trần Bảo N1, sinh ngày 01/6/2025. Bà H yêu cầu được nuôi cháu K và N1; Bà H yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu 2.500.000 đồng.

Xét bà H đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe, đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cháu N và N1 hiện đang còn nhỏ. Mặt khác ông L đồng ý giao hai cháu N và N1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho bà H trực tiếp nuôi con là Trần Khôi N, sinh ngày 09/7/2023 và Trần Bảo N1, sinh ngày 01/6/2025 cho đến khi cháu N và N1 đủ 18 tuổi và tự lập được.

Về cấp dưỡng: Ông L đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu N và Ngọc hàng tháng, mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi cháu N và N1 tự lập được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H và ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Quỳnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Trần L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Quỳnh H, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận bà Lê Quỳnh H ly hôn với ông Trần L.

2. Về việc nuôi con: Giao cho bà Lê Quỳnh H trực tiếp nuôi con là Trần Khôi N, sinh ngày 09/7/2023 và Trần Bảo N1, sinh ngày 01/6/2025 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho cho đến khi con thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Trần L phải cấp dưỡng nuôi cháu N và Ngọc hàng tháng, mỗi tháng mỗi cháu là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ ngày 07 tháng 9 năm 2026 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Lê Quỳnh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006818 ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Ông Trần L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (07/8/2026), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 và 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 - Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Loan Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố Pleiku;
- Chi cục THADS thành phố Pleiku;
- UBND Phường Phù Đổng, TP Pleiku (GCNKH số 99, ngày 10/8/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Loan Phương